Summary of Channel 62 Z: Lat: 36-12-14.8 N Lon: 115-57-13.4 W ERP: 5.000 kW ComStudy 2.2 RadioSoft

Callsign	Fac ID	ARN	City	Class	Type	ERP	Sep Ty	Status	Bearing	Dist	Prot	Clearan	D/U	Rx Gain	Rx F/B	Zone	Band	Ch#	Adj	Matrix	Svc Co	Svc dB	Int Con	Int dBu	Old Po	New Po	Total P	Old Po	New Po	Ovl Po	Ovl Po
	0		COALI	NTSC	LIC	0.000	C/M	Clear	270.29	395.0	-	999.0	45	0.0	6.0	2	UHF	62	Co	LR	F(50,5	64	F(50,1	19	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C
*	0	MEX-A	MEXIC	NTSC	RSV	0.000	D	Clear	173.84	401.7	32	369.7	-	-	-	0	UHF	66	T+4	LR	-	-	-	-	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C
K62AO	11528	BLTT2	MORO	LPTV	LIC	1.080	C/M	Clear	192.91	243.8	-	110.2	45	0.0	6.0	0	UHF	62	Co	LR	F(50,5	74	F(50,1	29	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C
K62BB	4420	BLTT1	BEAR	LPTV	LIC	0.295	C/M	Clear	244.91	272.1	-	134.0	45	0.0	6.0	0	UHF	62	Co	LR	F(50,5	74	F(50,1	29	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C
K62BR	69253	BLTT1	VIRGIN	LPTV	LIC	0.289	C/M	Clear	64.05	268.2	-	160.4	45	0.0	6.0	0	UHF	62	Co	LR	F(50,5	74	F(50,1	29	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C
K62CH	43392	BLTT1	DOLAN	LPTV	LIC	1.920	C/M	Clear	113.26	168.0	-	45.1	45	0.0	6.0	0	UHF	62	Co	LR	F(50,5	74	F(50,1	29	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C
K62DZ	43317	BLTT1	GLEND	LPTV	LIC	0.373	C/M	Clear	66.94	139.0	-	27.4	45	0.0	6.0	0	UHF	62	Co	LR	F(50,5	74	F(50,1	29	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C
KGNG-	65276	BLTTL	LAS VE	LPTV	LIC	13.400	C/M	Clear	109.06	86.8	-	64.3	-9	0.0	6.0	0	UHF	47 +	T-15	LR	F(50,5	74	F(50,1	80	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C
KGNG-	65276	BPTTL	LAS VE	LPTV	CP	19.300	C/M	Clear	109.08	86.8	-	61.3	-9	0.0	6.0	0	UHF	47 +	T-15	LR	F(50,5	74	F(50,1	80	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C
KRCA	22161	BLCT2	RIVER	NTSC	LIC	2630.0	C/M	Clear	221.48	292.6	-	40.4	45	0.0	6.0	2	UHF	62 Z	Co	LR	F(50,5	64	F(50,1	19	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C
KTVY-	12731	BLTTL	LAS VE	LPTV	LIC	34.800	C/M	Clear	109.06	86.8	-	49.7	-3	0.0	6.0	0	UHF	63	A+1	LR	F(50,5	74	F(50,1	89	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C
NEW	12982	BNPTT	BAKER	LPTV	APP	150.00	C/M	Clear	185.82	104.8	-	33.0	28	0.0	6.0	0	UHF	62 +	Co	LR	F(50,5	74	F(50,1	46	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C
NEW	12993	BNPTT	CANTI	LPTV	APP	150.00	C/M	Clear	243.56	210.4	-	115.4	28	0.0	6.0	0	UHF	62 +	Co	LR	F(50,5	74	F(50,1	46	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C
NEW	12817	BPRM1	COALI	NTSC	LIC	0.000	C/M	Clear	270.29	395.0	-	999.0	45	0.0	6.0	2	UHF	62 Z	Co	LR	F(50,5	64	F(50,1	19	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C
NEW	13027	BNPTT	HESPE	Booste	CP	8.000	C/M	Clear	217.68	258.4	-	111.3	45	0.0	6.0	0	UHF	62 Z	Co	LR	F(50,5	74	F(50,1	29	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C